

Số: 90 /2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **15** tháng **8** năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, sử dụng công trình, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân và quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- UBND xã, phường;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện

QUY ĐỊNH

**Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý,
vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **90** /2026/QĐ-UBND ngày **04** / **8** /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 tại Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình bao gồm: công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội bao gồm: khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 và nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đối với công trình và quản lý, sử dụng đối với khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Kịp thời phát hiện, xử lý hiệu quả sự cố công trình và các rủi ro thiên tai tại khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội.

Chương II

QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG KHU VỰC DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI

Điều 4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai áp dụng chung cho khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Việc quản lý, vận hành và sử dụng các khu vực trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai; phù hợp điều kiện thực tế địa phương; bảo đảm không làm gia tăng rủi ro thiên tai, không làm phát sinh rủi ro thiên tai mới, đặc biệt đối với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, sạt lở bờ sông, triều cường và xâm nhập mặn.

2. Xây dựng, kiện toàn lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực; bảo đảm trang bị dụng cụ, phương tiện, thông tin liên lạc và phương tiện bảo hộ lao động đáp ứng yêu cầu ứng phó với các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng, ban hành, công bố và công khai nội quy, quy chế quản lý, vận hành, sử dụng các khu vực phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương nhằm bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai; thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo tình hình thực tế.

4. Rà soát, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong quản lý, vận hành các khu vực; bảo đảm phù hợp với đặc điểm của từng loại khu vực; chú trọng yêu cầu an toàn trước các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn.

5. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, giám sát, vận hành và cảnh báo nguy cơ thiên tai; áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin, hệ thống cảnh báo sớm, giám sát từ xa tại các khu vực có nguy cơ cao.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công nhân, người lao động và cộng đồng dân cư; đồng thời cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về diễn biến thiên tai, các khu vực trọng điểm xung yếu và khu vực lân cận có nguy cơ xảy ra sự cố, bảo đảm nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó và chủ động phòng tránh phù hợp với đặc thù thiên tai của từng khu vực và khả năng ứng phó tại chỗ.

7. Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình quản lý, vận hành các khu vực bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai; trong đó xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong từng loại khu vực.

8. Tổ chức quan trắc, theo dõi, giám sát các yếu tố khí tượng, thủy văn và các yếu tố liên quan; kịp thời cập nhật, cung cấp và cảnh báo thông tin về nguy cơ thiên tai, đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở, giông, lốc, xâm nhập mặn.

9. Thực hiện duy tu, bảo vệ, cải tạo, nâng cấp các khu vực; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác, xây dựng, kinh doanh, dịch vụ trong khu vực, bảo đảm không làm gia tăng rủi ro thiên tai hoặc phát sinh rủi ro mới.

10. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc thực hiện các quy định về phòng, chống thiên tai tại các khu vực:

a) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai tại khu vực, bao gồm việc lấn chiếm dòng chảy, thay đổi mặt bằng tự nhiên, tập kết vật liệu, sử dụng đất và không gian không phù hợp, làm tăng nguy cơ sạt lở, ngập lụt, giông lốc.

b) Kiểm tra, đánh giá và triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó thiên tai có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn các khu vực.

c) Xác định và cập nhật danh mục khu vực trọng điểm, xung yếu về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

d) Trường hợp xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố vượt quá khả năng xử lý tại chỗ, phải tổ chức ngay biện pháp ứng phó ban đầu để hạn chế thiệt hại, đồng thời báo cáo kịp thời cơ quan, người có thẩm quyền để chỉ đạo xử lý theo quy định.

11. Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Xây dựng phương án ứng phó thiên tai phù hợp từng loại hình thiên tai và đặc thù từng khu vực, bảo đảm sát thực tế, khả thi và hiệu quả.

b) Chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện theo phương châm “bốn tại chỗ”, ưu tiên cho các khu vực có nguy cơ cao; tổ chức sơ tán, di dời dân cư kịp thời khi có tình huống thiên tai.

c) Tổ chức diễn tập phương án ứng phó theo kịch bản phù hợp với đặc thù từng khu vực, bảo đảm nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành và phối hợp.

d) Tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục hạ tầng, sản xuất, dịch vụ và ổn định đời sống Nhân dân tại các khu vực bị ảnh hưởng.

12. Lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ, dữ liệu về thiên tai và công tác quản lý, vận hành, sử dụng các khu vực theo quy định; bảo đảm đầy đủ, cập nhật, phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành và ứng phó thiên tai.

Điều 5. Nội dung cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo từng loại khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Đối với khu khai thác khoáng sản; khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

a) Rà soát, đánh giá các khu vực có nguy cơ mất an toàn như bãi thải, hồ lầy, hồ khai thác sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún; kịp thời áp dụng biện pháp gia cố, xử lý bảo đảm an toàn.

b) Bố trí rào chắn, biển cảnh báo; tổ chức kiểm soát người, phương tiện ra vào khu vực khai thác, đặc biệt tại các vị trí nguy hiểm.

c) Thực hiện các biện pháp tiêu thoát nước trong phạm vi khu vực khai thác; bảo đảm không gây ngập úng cục bộ và không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

d) Thực hiện biện pháp phòng, chống sạt lở, sụt lún, bảo đảm ổn định bờ sông, kênh, rạch và khu vực lân cận.

đ) Khi phát hiện nguy cơ mất an toàn do thiên tai, phải kịp thời dừng hoạt động khai thác, triển khai biện pháp khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

e) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn khu vực khai thác theo các tình huống thiên tai đặc thù.

2. Đối với khu đô thị và điểm dân cư nông thôn

a) Kiểm tra, gia cố các công trình, nhà ở và hạng mục phụ trợ có nguy cơ mất an toàn, đặc biệt là nhà tạm, mái tôn, bảng hiệu, bồn chứa nước trên cao, cùng hệ thống mái che và các công trình tại cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ; hướng dẫn, hỗ trợ hộ gia đình thực hiện chằng chống nhà cửa trước mùa mưa, bão, giông lốc.

b) Tổ chức cắt tỉa cây xanh; bảo đảm an toàn hệ thống điện, cấp nước trong điều kiện thiên tai.

c) Xác định, khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ngập úng, sạt lở, sụt lún; bố trí cảnh báo và chủ động phương án di dời, sơ tán dân cư khi cần thiết.

d) Quản lý, duy tu hệ thống tiêu thoát nước; tổ chức nạo vét, khơi thông dòng chảy, xử lý các điểm nghẽn, điểm ngập cục bộ.

đ) Quản lý hoạt động xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp điều kiện phòng, chống thiên tai; bảo đảm cao trình nền và khả năng thoát nước.

3. Đối với điểm du lịch, khu du lịch

a) Xây dựng và triển khai phương án bảo đảm an toàn cho khách du lịch và người lao động; xác định phương án sơ tán, di dời tại các khu vực có nguy cơ cao như ven sông, vùng trũng thấp; chủ động tạm dừng hoạt động khi không bảo đảm an toàn.

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm soát hoạt động của khách du lịch; không để người dân, du khách tiếp cận khu vực nguy hiểm khi có thiên tai.

c) Kiểm tra, gia cố cơ sở vật chất, công trình trong phạm vi quản lý; kịp thời sửa chữa, khắc phục hư hỏng.

4. Đối với khu di tích lịch sử - văn hóa

a) Rà soát các yếu tố có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình, cảnh quan và hiện vật.

b) Thực hiện biện pháp gia cố, bảo vệ công trình, hiện vật trước tác động của thiên tai.

c) Xây dựng phương án bảo vệ, di dời hiện vật trong trường hợp cần thiết.

5. Đối với khu công nghiệp

a) Tổ chức kiểm tra, rà soát, gia cố nhà xưởng, kho tàng, máy móc, thiết bị; thực hiện các biện pháp chống chòng bảo đảm an toàn, nhất là đối với hệ thống mái, vách, thiết bị ngoài trời trước mùa mưa, bão.

b) Bảo đảm an toàn hệ thống điện, hệ thống hóa chất, nguyên liệu, nhiên liệu; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các sự cố cháy nổ, rò rỉ, phát tán chất độc hại do thiên tai gây ra, đặc biệt tại các khu vực lưu trữ hóa chất, nhiên liệu, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố môi trường.

c) Kiểm tra, khắc phục kịp thời các hư hỏng công trình, thiết bị sau thiên tai; nhanh chóng ổn định sản xuất, bảo đảm an toàn cho người lao động.

d) Xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường do thiên tai gây ra trong khu công nghiệp.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai áp dụng chung cho các công trình

1. Thực hiện các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác, phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc điểm thiên tai của tỉnh.

2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai đối với các công trình, hạng mục công trình chuẩn bị thi công và đang thi công; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và công trình lân cận, đặc biệt đối với thiết bị thi công trên cao, công trình ven sông, khu vực có nguy cơ sạt lở trước và trong khi xảy ra thiên tai.

3. Trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng công trình phải bảo đảm không làm gia tăng rủi ro thiên tai, không phát sinh nguy cơ thiên tai mới.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, diễn tập cho lực lượng trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì công trình về kỹ năng phòng, chống thiên tai và xử lý sự cố công trình.

5. Thực hiện đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát và cảnh báo nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình:

a) Thường xuyên đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát nhằm phát hiện, cảnh báo nguy cơ mất an toàn công trình, nhất là các vị trí trọng điểm, xung yếu;

b) Theo dõi, cập nhật kịp thời thông tin khí tượng, thủy văn, diễn biến lũ, triều cường, xâm nhập mặn và các dữ liệu liên quan; cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn công trình, bảo đảm không làm gia tăng rủi ro thiên tai.

6. Thực hiện nâng cấp, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình, đặc biệt các công trình tại khu vực thường xuyên chịu tác động của lũ, sạt lở, xâm nhập mặn.

7. Kiểm tra các biện pháp bảo đảm an toàn cho các công trình, đặc biệt đối với các công trình xây dựng tại khu vực trọng điểm, xung yếu như: vùng thấp trũng, khu vực cù lao, cồn, ven sông, kênh, rạch; khu vực thường xuyên chịu tác động của lũ, sạt lở bờ sông, ngập lụt, xâm nhập mặn và khu vực đông dân cư.

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ hiện trạng, mức độ an toàn công trình để kịp thời phát hiện, xử lý các hư hỏng, bảo đảm an toàn công trình.

b) Khi có cảnh báo thiên tai, tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng an toàn công trình; chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng nhằm bảo đảm an toàn khi thiên tai xảy ra.

c) Sau khi kết thúc đợt thiên tai, tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình để phát hiện các hư hỏng (nếu có); đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục, ưu tiên các công trình trọng điểm phòng, chống thiên tai như: đê bao, bờ bao, công trình kiểm soát lũ, công trình phòng, chống sạt lở bờ sông; công trình giao thông, điện lực, viễn thông, đặc biệt tại khu vực ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, hạ tầng thiết yếu, cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ.

8. Sửa chữa, xử lý sự cố ảnh hưởng đến an toàn phòng, chống thiên tai đối với các công trình, hạng mục công trình

a) Tổ chức sửa chữa hư hỏng, xử lý kịp thời sự cố nhằm bảo đảm chất lượng và an toàn công trình, nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai, đặc biệt đối với sự cố sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, hư hỏng đê bao, bờ bao, công trình kiểm soát lũ và công trình tại khu vực ven sông, kênh, rạch, cửa sông, ven biển;

b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến an toàn công trình hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, nhất là các hoạt động gây sạt lở bờ sông, bờ biển, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình, khai thác cát, sỏi trái phép;

c) Trường hợp hư hỏng, sự cố hoặc các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình vượt quá khả năng xử lý, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai cấp trên để được hỗ trợ theo quy định.

9. Kịp thời cung cấp thông tin, cảnh báo liên quan đến vận hành công trình và nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực chịu tác động cho chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan, đặc biệt khu vực hạ lưu, khu dân cư ven sông, kênh, rạch.

10. Phối hợp với cơ quan có liên quan trong kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai trong phạm vi ảnh hưởng của công trình.

11. Xây dựng, rà soát, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các phương án ứng phó thiên tai phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa phương theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, trong đó chú trọng các loại hình thiên tai như lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, xâm nhập mặn, triều cường và các tình huống thiên tai khác có thể xảy ra.

12. Xây dựng, rà soát, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành công trình, hạng mục công trình hạ tầng bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định khác có liên quan (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành).

a) Tổ chức xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý công trình, bảo đảm phù hợp với đặc điểm công trình và điều kiện thiên tai của khu vực;

b) Khi vận hành, thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và chính quyền địa phương nơi chịu tác động của quá trình vận hành, đặc biệt đối với khu vực hạ lưu, khu dân cư ven sông, kênh, rạch, cửa sông, ven biển; kịp thời thông tin trong các tình huống lũ, triều cường, xâm nhập mặn và khi thiên tai đang diễn ra;

c) Quá trình vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào nhật ký vận hành công trình và được kiểm tra, giám sát theo quy định.

13. Triển khai thực hiện ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

a) Chủ động chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo phương châm “bốn tại chỗ”; lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa phương, đặc biệt đối với các tình huống lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, triều cường, xâm nhập mặn;

b) Tổng hợp, báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình và hạ tầng kỹ thuật;

c) Trường hợp xảy ra sự cố thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình vượt quá khả năng xử lý, phải chủ động triển khai ngay các biện pháp ứng phó để hạn chế thiệt hại; đồng thời báo cáo kịp thời cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên để được hỗ trợ theo quy định;

d) Tổ chức sửa chữa, khôi phục hư hỏng, nâng cấp các công trình nhằm bảo đảm an toàn vận hành trước, trong và sau thiên tai.

14. Lập và lưu trữ thông tin, dữ liệu về thiên tai và hồ sơ quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình

a) Hồ sơ quản lý công trình phải được lập và lưu trữ, bao gồm: tài liệu thiết kế; tài liệu sửa chữa, nâng cấp; tài liệu kiểm định, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng; các biên bản, báo cáo kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn phòng, chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành và các tài liệu khác có liên quan đến an toàn phòng, chống thiên tai (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành);

b) Thông tin, dữ liệu về thiên tai ảnh hưởng đến công trình phải được cập nhật thường xuyên, bao gồm thông tin về các loại hình thiên tai như lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, triều cường, xâm nhập mặn và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình;

c) Hồ sơ quản lý và thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ đầy đủ, có hệ thống tại cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành, sử dụng hoặc được giao quản lý, vận hành, sử dụng các công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định.

Điều 7. Nội dung cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo từng loại công trình

1. Đối với các công trình phòng, chống thiên tai

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Chương III Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT

2. Đối với công trình giao thông

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá khả năng chịu lực, ổn định của nền, mặt đường, cầu, cống, bến, phà, đặc biệt tại khu vực nền đất yếu, ven sông, kênh, rạch, khu vực có nguy cơ sạt lở;

b) Chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn trong điều kiện lũ, ngập lụt, triều cường; bố trí cảnh báo, phân luồng giao thông khi xảy ra sự cố hoặc ngập sâu;

c) Bảo đảm thoát nước, không gây cản trở dòng chảy, không làm gia tăng nguy cơ ngập lụt khu vực lân cận;

d) Kịp thời khắc phục hư hỏng, bảo đảm giao thông thông suốt, nhất là tại các tuyến huyết mạch, khu vực phục vụ sơ tán dân cư khi có thiên tai.

3. Đối với công trình điện lực

a) Bảo đảm an toàn hệ thống truyền tải, phân phối điện tại khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở, ven sông, ven biển;

b) Có phương án bảo vệ, di dời, gia cố cột điện, trạm biến áp tại khu vực xung yếu, khu vực có nguy cơ sạt lở hoặc ngập sâu;

c) Chủ động cắt điện, cấp điện hợp lý trong tình huống thiên tai để bảo đảm an toàn cho người dân và công trình;

d) Tổ chức khôi phục cấp điện nhanh chóng, an toàn sau thiên tai, ưu tiên khu vực phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cứu hộ, cứu nạn và nhu cầu thiết yếu của người dân.

4. Đối với công trình viễn thông

a) Bảo đảm an toàn hạ tầng viễn thông, đặc biệt tại khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở, khu vực ven sông, ven biển;

b) Có phương án dự phòng, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai;

c) Gia cố, bảo vệ thiết bị, tuyến cáp, trạm phát sóng trước tác động của lũ, triều cường, xâm nhập mặn;

d) Khôi phục nhanh hệ thống thông tin liên lạc sau thiên tai.

5. Đối với công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Bảo đảm an toàn công trình cấp nước, thoát nước trong điều kiện ngập lụt, triều cường, xâm nhập mặn;

b) Có phương án bảo vệ nguồn nước, công trình khai thác nước, đặc biệt trong tình huống xâm nhập mặn;

c) Bảo đảm khả năng tiêu thoát nước, không để xảy ra ngập úng kéo dài tại khu dân cư;

d) Kịp thời khắc phục sự cố, bảo đảm cung cấp nước sinh hoạt an toàn cho người dân.

6. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác

a) Chủ động kiểm tra, đánh giá và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn công trình phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng loại công trình;

b) Bảo đảm không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, đặc biệt là nguy cơ ngập lụt, sạt lở, cản trở dòng chảy;

c) Kịp thời xử lý, khắc phục sự cố, bảo đảm duy trì hoạt động ổn định phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Hằng năm, các Sở, ban, ngành tỉnh tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội và công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Quy định này; tổng hợp,

gửi kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với các công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn quản lý; tổng hợp, báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp tổ chức các hoạt động kiểm tra đột xuất các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai nhằm đôn đốc và chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót, vi phạm để tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo việc thực hiện kiểm tra và tự kiểm tra các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung các quy định không còn phù hợp với tình hình thực tế.

c) Chủ trì hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực thực hiện các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, khu vực; mức độ an toàn và việc chấp hành các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 7;

đ) Chủ trì, phối hợp rà soát, tổng hợp các khu vực trọng điểm, xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 4 hằng năm;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, đề xuất kế hoạch đầu tư, nâng cấp, duy tu, sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai và các công trình, khu vực có liên quan nhằm bảo đảm an toàn trước thiên tai.

g) Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các vi phạm.

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý sự cố, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình, khu vực; phối hợp xử lý các tình huống gia tăng rủi ro thiên tai trên địa bàn.

i) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; xây dựng cơ sở dữ liệu, tổng hợp tình hình phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu bố trí kinh phí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp do nhà nước quản lý và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Các Sở, ban, ngành tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý, cụ thể như sau:

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với tình hình thực tế.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

d) Hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý; đánh giá hiện trạng công trình, khu vực và mức độ an toàn.

đ) Rà soát, xác định các khu vực trọng điểm, xung yếu; xây dựng, cập nhật phương án bảo vệ công trình và khu vực thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31/3 hằng năm để phục vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 4 hằng năm.

e) Tổng hợp, đề xuất kế hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, duy tu, sửa chữa công trình; các giải pháp bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai đối với khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý.

g) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, khu vực; mức độ bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm.

h) Tham mưu xử lý sự cố công trình; các tình huống làm gia tăng rủi ro thiên tai; tổ chức ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình và khu vực thuộc phạm vi quản lý.

i) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 6 và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Chủ trì thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện việc thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

2. Kiểm tra việc thực hiện đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

3. Xác định nội dung các nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

6. Tổ chức tiếp nhận, tổng hợp báo cáo và thực hiện chế độ báo cáo như sau:

a) Báo cáo phục vụ việc rà soát, tổng hợp các khu vực trọng điểm, xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 hằng năm để phục vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 4 hằng năm.

b) Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 6 về tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm; công tác tổ chức thực hiện trên địa bàn;

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu; gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình và khu vực dân sinh, kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ động bố trí nhân lực; phân công trách nhiệm; ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế hoạt động có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

3. Lập, cập nhật và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành, khai thác công trình theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức phổ biến kiến thức, huấn luyện kỹ năng phòng, chống thiên tai cho người lao động và các đối tượng liên quan trong phạm vi quản lý.

5. Thường xuyên rà soát hiện trạng công trình, khu vực; xác định vị trí có nguy cơ rủi ro thiên tai; xây dựng và triển khai biện pháp bảo đảm an toàn.

6. Chủ động xử lý các tình huống phát sinh, sự cố, nguy cơ mất an toàn; phối hợp với cơ quan chức năng trong ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời báo cáo khi vượt quá khả năng.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 5 và báo cáo đột xuất theo yêu cầu gửi Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp.

8. Bảo đảm kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Quy định này; lồng ghép nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

